

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 819/2024/HC-PT
Ngày: 07 - 8 - 2024
V/v Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2024/TLPT-HC ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2024/HC-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2281/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn H, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Viết D, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: B L, tổ D, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Địa chỉ: Số D H, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Trần Ngọc N, Phó Chi cục trưởng C tỉnh thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có mặt).

2. Luật sư Lê Văn L, Phó Giám đốc Trung tâm tư vấn pháp luật , Hội Luật gia tỉnh B (vắng mặt).

Địa chỉ: B V, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã P, huyện B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mang N1, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Nguyên L1, chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Ngọc N, Phó Chi cục trưởng C tỉnh thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có mặt).

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (Nay là Công ty Cổ phần N3).

Địa chỉ: E đường A, phường H, quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Khương Thị L2, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kinh Đức T, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Giấy ủy quyền ngày 05/8/2024)

4. Bà Nguyễn Thị Hồng D1, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Viết D, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: B L, tổ D, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

5. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Văn V, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc T1, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Lê Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Lê Văn H và người đại diện hợp pháp trình bày:

Gia đình ông H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 30 ha (ba mươi héc ta) trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Ngọc T2, sinh 1972. Địa chỉ: Thôn L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 10/5/2007. Sau khi nhận chuyển nhượng ông H canh tác trồng cây lâu năm từ đó đến nay. Không có tranh chấp với ai. Tháng 4/2022, ông H lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi lên Ủy ban nhân dân xã P, huyện B để giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi thụ lý hồ sơ, kiểm tra thực địa. Ngày 03/6/2022, Ủy ban nhân dân xã P đã làm việc trả lời ông H là phần diện tích 30 ha (ba mươi héc ta) của ông H đang canh tác đã được cấp trùng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 324687 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp cho Công ty TNHH X Mộc ngày 18/11/2013. Như vậy, việc cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là trái pháp luật. Vì những lý do sau:

Về quá trình sử dụng đất: diện tích đất 30 ha ông H canh tác từ trước cho đến nay chưa có tranh chấp với ai, ông H là người trực tiếp canh tác. Diện tích đất này ông H chưa sang nhượng cho ai, chưa có ai báo cho ông H bất cứ một việc gì có liên quan của lô đất này. Lô đất ông H đang canh tác, chưa có cơ quan có thẩm quyền nào thu hồi đất và bồi thường đất hoa màu cho ông H.

Về thẩm quyền giao đất của Ủy ban nhân dân tỉnh B: Theo quy định tại Điều 59 luật đất đai 2013. Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 324687 cho Công ty TNHH X Mộc ngày 18/11/2013, với hình thức: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm là trái với quy định tại Điều 59 Luật đất đai 2013.

Từ những vi phạm nêu trên của việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B, cấp cho Công ty TNHH X 324687 cho Công ty TNHH X Mộc ngày 18/11/2013 là trái pháp luật đã xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của ông H. Do đó, ông H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận hủy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 324687 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp cho Công ty TNHH X Mộc ngày 18/11/2013.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 324687 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp cho Công ty TNHH X Mộc ngày 18/11/2013 là đúng quy định. Do đó, người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty cổ phần N3 do ông Lê Mai T3 đại diện trình bày:

Về quá trình sử dụng đất của Công ty cổ phần N3: Ngày 23/9/2013, Công ty TNHH X (nay là Công ty cổ phần N3) được Ủy ban nhân dân tỉnh B cho thuê đất để xây dựng nhà máy T7 tại xã P, huyện B theo Quyết định số 2284/QĐ-UBND. Ngày 15/10/2013, Công ty TNHH X ký Hợp đồng thuê đất số 56/HĐTĐ với Ủy ban nhân dân tỉnh B, đại diện là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. Ngày 28/11/2013, Công ty TNHH X được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 324687 với diện tích theo Quyết định số 2284/QĐ-UBND và Hợp đồng thuê đất số 56/HĐTĐ nêu trên (thừa ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B là Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ký).

Công ty TNHH X thay đổi tên, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần N3 và thay đổi trụ sở Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304910258 đăng ký lần đầu ngày 10/4/2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 19/11/2020, thay đổi lần thứ 4 ngày 24/11/2020 và thay đổi lần thứ 5 ngày 11/6/2021. Sau khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, ngày 07/12/2021, Công ty Cổ phần N3 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 259705 với diện tích, đặc điểm thửa đất như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 324687.

Ngày 18/02/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh B (đại diện là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B) ký Hợp đồng thuê đất điều chỉnh số 10/HĐTĐ điều chỉnh tên người sử dụng đất theo Hợp đồng thuê đất số 56/HĐTĐ ngày 15/10/2013 từ Công ty TNHH X thành Công ty Cổ phần N3.

Như vậy, việc sử dụng đất của Công ty từ trước đến nay đều có hồ sơ pháp lý đầy đủ. Công ty luôn chấp hành quy định pháp luật, nghĩa vụ đối với Nhà nước. Hơn nữa, từ khi được Nhà nước cho thuê đất, Công ty đã tiến hành xây rào bảo vệ để thực hiện xây dựng công trình dự án, không còn bất kỳ hộ dân nào sinh sống, canh tác, sử dụng diện tích đất này. Ngoài ra, căn cứ Biên bản làm việc ngày 03/6/2022 do người khởi kiện cung cấp, nội dung làm việc xác định "*Diện tích đất này đã được UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3280/QĐ-UBND ngày 17/11/2009 thu hồi đất cho Công ty TNHH X thuê đất tại xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận để xây dựng nhà máy T7 với diện tích là 1.285.291*

m²" và "UBND xã P chưa ký xác nhận được từ bản đồ đo đạc của 2 hộ dân do Trung tâm kỹ thuật đo đạc Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã đo đạc".

Từ đó, chưa có cơ sở để xác định hiện nay ông Lê Văn H có quyền sử dụng đất trên diện tích 30 ha đất của Công ty chúng tôi. Việc ông Lê Văn H cho rằng "Chúng tôi xác định diện tích đất 30 ha, chúng tôi canh tác từ trước cho đến nay chưa có tranh chấp với ai, chúng tôi là người trực tiếp canh tác. Diện tích đất này chúng tôi chưa sang nhượng cho ai, chưa có ai báo cho chúng tôi bất cứ một việc gì có liên quan của lô đất này. Lô đất chúng tôi đang canh tác, chưa có cơ quan có thẩm quyền nào thu hồi đất và bồi thường đất hoa màu cho chúng tôi" là không đúng sự thật.

Về thẩm quyền quyết định cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty: Đối với thẩm quyền quyết định cho thuê đất: Căn cứ Điều 37 Luật Đất đai năm 2003 (có hiệu lực tại thời điểm Công ty được cho thuê đất): “1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định [...] cho thuê đất [...] đối với tổ chức; [...] 4. Cơ quan có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này không được ủy quyền”. Như vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định cho Công ty TNHH X thuê đất theo Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 23/9/2013 là đúng thẩm quyền.

Đối với thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ Điều 52 Luật Đất đai năm 2003 và điểm d khoản 4 Điều 2 Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh B (có hiệu lực tại thời điểm Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), Ủy ban nhân dân tỉnh B ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH X là phù hợp quy định pháp luật.

Đồng thời, “Trường hợp doanh nghiệp trước khi chuyển đổi đã được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm [...] mà [...] tiền thuê đất đã nộp [...] không có nguồn từ ngân sách nhà nước thì doanh nghiệp sau khi chuyển đổi có trách nhiệm đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo thủ tục quy định tại Điều 85 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ký lại hợp đồng thuê đất với Sở T đối với trường hợp thuê đất mà phải ban hành lại quyết định cho thuê đất” – điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT. Do đó, việc Công ty Cổ phần N3 được ký lại Hợp đồng thuê đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 259705 ngày 07/12/2021 là phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, Công ty Cổ phần N3 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

+ UBND xã P ông Mang N1 đại diện trình bày:

UBND xã vẫn giữ nguyên ý kiến nêu tại Công văn số 62 ngày 12/7/2022, quá trình sử dụng đất, quản lý đất thì trước đây ông Nguyễn Ngọc T2 không đăng ký thường trú, tạm trú và không sinh sống tại địa phương, quá trình thu hồi đất cũng không có tên của ông Nguyễn Ngọc T2. Việc thu hồi đất thì một phần diện tích thu hồi là của các hộ dân được cấp đất theo Nghị quyết số 04 của tỉnh uỷ, một phần là thu hồi của các hộ dân khác khai hoang. UBND xã đã có đi nghiệm thu bản đồ, các hộ dân đều không ai khiếu nại gì, tài sản trên đất đã có thể hiện trong biên bản hồ sơ. Việc khởi kiện của ông Lê Văn H thì UBND xã không đồng ý. UBND xã có ý kiến, thời điểm trước đây, ông T2 không có đất ở địa phương, ông T2 không có làm thủ tục đăng ký, kê khai đất với địa phương. Diện tích đất tranh chấp thuộc một phần trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Công ty cổ phần N3.

+ Ủy ban nhân dân huyện B trình bày ý kiến: Công ty TNHH X được Ủy ban nhân dân tỉnh B cho thuê đất tại Quyết định số 3280/QĐ-UBND ngày 17/11/2009 về việc thu hồi đất và cho Công ty TNHH X thuê đất tại xã P, huyện B để xây dựng Nhà máy T7; được cấp Giấy CNQSDĐ số BL328647 ngày 28/11/2013 (nay là Công ty cổ phần N3).

Về vị trí đất ông Lê Văn H khởi kiện, UBND huyện đã hoàn thành việc thu hồi, bồi thường đất để xây dựng công trình Nhà máy T7 tại xã P, huyện B gồm các chủ sử dụng đất:

- Phan Trung K, Trần Thị T4 và L In Theo Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 27/7/2010 v/v phê duyệt phương án bồi thường và giải phóng mặt bằng công trình thủy điện Sông L3 tại xã P (đợt 2), kèm theo Tờ trình số 52/TTr-HĐBT ngày 21/7/2010 của Hội đồng bồi thường và danh sách).

- Trần Văn H1, Bá Thị N2, Tôn Thất K1, Lục Văn T5 và Mông Văn D2 theo Quyết định số 4085/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 v/v phê duyệt phương án bồi thường và giải phóng mặt bằng công trình thủy điện Sông L3 tại xã P (đợt 3), kèm theo Tờ trình số 82/TTr-HĐBT ngày 05/10/2010 Hội đồng bồi thường và danh sách).

- Lệnh Hãm Tạt theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 04/5/2011 v/v phê duyệt phương án bồi thường và giải phóng mặt bằng công trình thủy điện Sông L3 tại xã P (đợt 5), kèm theo Tờ trình số 56/TTr-HĐBT ngày 27/4/2011 của Hội đồng bồi thường và danh sách).

Tất cả các hộ dân có đất tại khu vực này đã được quy chủ và được bồi thường theo quy định và không có tên ông Lê Văn H công dân thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Công ty TNHH X đã hoàn chỉnh về thủ tục đất đai được Ủy ban nhân dân tỉnh B cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xây dựng Nhà máy T7 tại xã P, huyện B theo đúng quy định pháp luật về đất đai.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2024/HC-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 324687 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp cho Công ty TNHH X Mộc ngày 18/11/2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 259705 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho Công ty Cổ phần N3 ngày 07/12/2021.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/01/2024, người khởi kiện ông Lê Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H là ông Đinh Viết D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Điều 78 Luật Tố tụng hành chính khi không thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp cho Công ty TNHH X; Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh B, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 324687 cho Công ty TNHH X Mộc ngày 18/11/2013, với hình thức: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm là trái với quy định tại Điều 59 Luật đất đai 2013, đã xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của ông H. Do đó, phía người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc hủy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 324687 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp cho Công ty TNHH X Mộc ngày 18/11/2013.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, cùng có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Trần Ngọc N đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH X, có người đại diện theo ủy quyền là ông Kinh Đức T trình bày: công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh B cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xây dựng Nhà máy T7 tại xã P, huyện B theo đúng quy định pháp luật về đất đai. Bản án sơ thẩm xử có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H, y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính: Bác yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến tranh luận của các bên đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo người khởi kiện ông Lê Văn H trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh B, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Ủy ban nhân dân huyện B, đều có văn bản xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo của ông Lê Văn H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng quy định tại Điều 78 Luật Tố tụng hành chính:

Hội đồng xét xử xét thấy, hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Tố tụng hành chính thu thập chứng cứ liên quan đến việc thực hiện dự án Thủy điện S, hồ sơ cấp cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH X, không vi phạm thủ tục tố tụng như kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn H.

[2.2] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tranh chấp: Tại Văn bản số 62 ngày 12/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã P xác định quá trình sử dụng đất, quản lý đất cho thấy ông Nguyễn Ngọc T2 (là người chuyển nhượng đất cho ông H) không đăng ký thường trú, tạm trú và không sinh sống tại địa phương, quá trình thu hồi đất cũng không có tên của ông Nguyễn Ngọc T2; UBND xã đã có đi

nghiệm thu bản đồ, các hộ dân đều không ai khiếu nại gì, tài sản trên đất đã có thể hiện trong biên bản hồ sơ; ông Nguyễn Ngọc T2 không có việc đăng ký quyền sử dụng đất và cũng không có đất tại địa phương.

Theo Ủy ban nhân dân huyện B thì vị trí, tọa độ của diện tích đất tranh chấp theo như kết quả đo vẽ không có ngày tháng năm có chữ ký của ông Đinh Viết D là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là nằm trong diện tích đất đã bị thu hồi của các hộ dân gồm: Phan Trung K, Trần Thị T4 và Lộc Mỹ I, Trần Văn H1, Bá Thị N2, Tôn Thất K1, Lục Văn T5 và Mông Văn D2, Lệnh Hầm T6. Ủy ban nhân dân huyện B đã hoàn thành việc thu hồi và bồi thường cho các hộ dân này theo đúng quy định. Tất cả những hộ dân có đất tại khu vực này đều đã được quy chủ và không có tên ông Lê Văn H.

Ông H cho rằng diện tích đất ông nhận chuyển nhượng lại từ ông Nguyễn Ngọc T2. Tuy nhiên, cả ông T2 và ông H đều không tiến hành thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, không thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không có căn cứ xác định ông Lê Văn H có quyền sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp là có căn cứ.

[2.3] Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 324687 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp cho Công ty TNHH X Mộc ngày 18/11/2013:

Diện tích đất tranh chấp thuộc phần diện tích đất được Ủy ban nhân dân huyện B đã thu hồi và bồi thường cho các hộ dân có đất bị thu hồi; cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện công khai, thông báo cho chủ sử dụng đất biết để phối hợp đo đạc xác định mốc giới, diện tích thửa đất và kiểm kê tài sản đền bù theo quy định. Việc thu hồi đất và bồi thường cho các hộ dân có đất bị thu hồi Ủy ban nhân dân huyện B đã được thực hiện xong từ năm 2010 và cho đến nay không có ai khiếu nại. Ngày 23/9/2013, Công ty TNHH X (nay là Công ty cổ phần N3) được Ủy ban nhân dân tỉnh B cho thuê đất để xây dựng nhà máy T7 tại xã P, huyện B theo Quyết định số 2284/QĐ-UBND. Công ty được bàn giao đất tại thực địa ngày 01/10/2013. Ngày 15/10/2013, Công ty TNHH X ký Hợp đồng thuê đất số 56/HĐTD với Ủy ban nhân dân tỉnh B, đại diện là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. Ngày 28/11/2013, Công ty TNHH X được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 324687.

Sau khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, ngày 07/12/2021, Công ty Cổ phần N3 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 259705 với diện tích, đặc điểm thửa đất như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 324687. Ngày 18/02/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh B (đại diện là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B) ký Hợp đồng thuê đất điều chỉnh số 10/HĐTD điều chỉnh tên người sử dụng đất theo Hợp

đồng thuê đất số 56/HDTD ngày 15/10/2013 từ Công ty TNHH X thành Công ty Cổ phần N3.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc ban hành Quyết định cho thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh B nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 37 Luật đất đai năm 2003 và việc Ủy ban nhân dân tỉnh B ủy quyền cho Sở T cấp cho Công ty TNHH X Mộc ngày 18/11/2013 là phù hợp với quy định tại Điều 5 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về điều kiện ủy quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng pháp luật. Từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 324687 là có cơ sở, đúng pháp luật.

Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông Lê Văn H không có căn cứ, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông Lê Văn H đã nộp là 13.300.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại Điều 358 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Lê Văn H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2024/HC-ST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 324687 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp cho Công ty TNHH X Mộc ngày 18/11/2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD

259705 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho Công ty Cổ phần N3 ngày 07/12/2021.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định theo quy định là 13.300.000 đồng, ông H đã nộp đủ.

3. Về án phí hành chính:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008343 ngày 17/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000139 ngày 24/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

- Ông H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười

Nguyễn Hồ Tâm Tú

Nguyễn Đắc Minh